

Số: 78/2025/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
**Quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động phát triển
công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của
Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định
số 205/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Quyết định số 10/2017/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2017 của
Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình phát
triển công nghiệp hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư 29/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng kinh phí Chương trình
phát triển công nghiệp hỗ trợ;*

*Xét Tờ trình số 10724/TTr-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Phú Thọ; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng
nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức chi cụ thể cho
các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Mức chi cụ thể cho các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ

1. Chi kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trở thành nhà cung ứng sản phẩm cho khách hàng trong và ngoài nước; xúc tiến thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

a) Mức hỗ trợ 80% các khoản chi phí bao gồm:

Tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.

Tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

b) Chi tổ chức đánh giá, xác nhận năng lực doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ (Chi đánh giá năng lực doanh nghiệp): 5,6 triệu đồng/doanh nghiệp.

c) Chi đánh giá và công nhận các doanh nghiệp có trình độ và quy mô đáp ứng yêu cầu quốc tế (Chi đánh giá năng lực doanh nghiệp): 5,7 triệu đồng/doanh nghiệp nếu thuê chuyên gia trong nước và 11,4 triệu đồng/doanh nghiệp nếu thuê chuyên gia nước ngoài.

d) Chi tổ chức hội thảo xúc tiến thu hút đầu tư trong và ngoài nước vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ: 56% các khoản chi phí.

đ) Chi tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm kết nối công nghiệp hỗ trợ trong nước có quy mô tối thiểu là 200 gian hàng quy theo gian hàng tiêu chuẩn (3m x 3m) và 100 doanh nghiệp tham gia khi trung ương tổ chức; 150 gian hàng tiêu chuẩn và 75 doanh nghiệp tham gia khi địa phương tổ chức (gồm các chi phí: thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng; dịch vụ phục vụ: Điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ; chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm; trang trí chung của hội chợ triển lãm; tổ chức khai mạc, bế mạc; tổ chức hội thảo): 9,6 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

e) Chi tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm kết nối công nghiệp hỗ trợ tại nước ngoài khi hội chợ triển lãm chuyên ngành công nghiệp hỗ trợ có quy mô tối thiểu 7 gian hàng quy theo gian hàng tiêu chuẩn (3m x 3m) và tối thiểu 7 doanh nghiệp tham gia (thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng; trang trí chung của khu vực Việt Nam; chi phí tổ chức khai mạc; tổ chức hội thảo; trình diễn sản phẩm; chi khác): 120 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

g) Chi tổ chức đoàn giao dịch, xúc tiến đầu tư tại nước ngoài khi đoàn chuyên ngành công nghiệp hỗ trợ có tối thiểu 7 doanh nghiệp tham gia.

Mức hỗ trợ: 23 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Châu Á;

Mức hỗ trợ: 35 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Châu Âu, Châu Phi, Châu Úc, Bắc Mỹ, Tây Á;

Mức hỗ trợ: 56 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Trung Mỹ, Mỹ La-tinh.

h) Chi hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá, đăng ký thương hiệu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ: 40 triệu đồng/thương hiệu.

i) Chi phí tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động công nghiệp hỗ trợ trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác: 56 triệu đồng/1 chuyên đề tuyên truyền.

2. Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu của các chuỗi sản xuất toàn cầu trong quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất.

a) Đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất tại các doanh nghiệp

Chi nghiên cứu xây dựng tiêu chí, chỉ tiêu đánh giá, Hội thảo công bố kết quả đánh giá: 80% chi phí.

Chi đánh giá năng lực doanh nghiệp: 5,6 triệu đồng/doanh nghiệp.

b) Chi xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo cho các doanh nghiệp: 25 triệu đồng/doanh nghiệp.

c) Chi đánh giá, công nhận hệ thống quản trị doanh nghiệp và quản trị sản xuất: 120 triệu đồng/doanh nghiệp.

3. Chi phí đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

a) Chi nghiên cứu, đánh giá nhu cầu về nhân lực của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ: 5,6 triệu đồng/doanh nghiệp.

b) Chi hỗ trợ tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo cho cán bộ quản lý nhà nước; cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật của doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ (Chi xây dựng chương trình; in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học; văn phòng phẩm; nước uống; thuê phương tiện, hội trường, trang thiết bị phục vụ lớp học; vật tư thực hành lớp học; chi bồi dưỡng cho giảng viên trong nước, chuyên gia nước ngoài, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật, chi tiền đi lại, tiền ở, phiên dịch; chi cho học viên: Hỗ trợ tiền ăn, đi lại, tiền ở; chi khác: Khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, tiền y tế cho lớp học, khen thưởng): 56% các khoản chi phí.

4. Hỗ trợ nghiên cứu phát triển, ứng dụng chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất thử nghiệm linh kiện, phụ tùng, nguyên liệu và vật liệu.

a) Chi mua trang thiết bị thử nghiệm chính cho các phòng thử nghiệm để nâng cao năng lực các Trung tâm Khuyến công và Phát triển Công thương tỉnh Phú Thọ theo đề án do Bộ Công Thương phê duyệt: 80% chi phí.

b) Chi phí xây dựng tiêu chuẩn: 114 triệu đồng/doanh nghiệp.

c) Chi giới thiệu, phổ biến một số quy trình công nghệ sản xuất và yêu cầu kỹ thuật về sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tại tỉnh Phú Thọ: 23 triệu đồng/doanh nghiệp.

d) Chi thuê chuyên gia trong và ngoài nước hỗ trợ trực tiếp cho các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp hỗ trợ trong nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ: 56 triệu đồng/doanh nghiệp.

đ) Chi hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ: 56 triệu đồng/doanh nghiệp.

e) Mức hỗ trợ 40% cho các nội dung sau:

Nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

Hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ hoàn thiện, đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm.

Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại; mua bản quyền, sáng chế, phần mềm; thuê chuyên gia nước ngoài và đào tạo nguồn nhân lực.

Chi phí thực hiện dự án nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

Xây dựng, hoàn thiện tiêu chí để đánh giá doanh nghiệp về công nghệ và sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

5. Hỗ trợ xây dựng và công bố thông tin về công nghiệp hỗ trợ hàng năm.

a) Mức hỗ trợ 80% cho các nội dung sau:

Chi phí khảo sát, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh và sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trong các lĩnh vực dệt may, da giày, điện tử, sản xuất lắp ráp ô tô, cơ khí chế tạo (bao gồm cả các sản phẩm cơ khí trọng điểm), công nghiệp công nghệ cao.

Chi phí nhập dữ liệu, tạo lập các trang siêu văn bản, tạo lập thông tin điện tử trên cơ sở các dữ liệu có sẵn, chỉ số hóa thông tin.

Chi phí xuất bản các ấn phẩm về công nghiệp hỗ trợ, vận hành trang thông tin điện tử về công nghiệp hỗ trợ.

Chi phí tổ chức hội thảo (thuê hội trường, thiết bị, trang trí, âm thanh, ánh sáng, phiên dịch, an ninh, lễ tân, nước uống, tài liệu, diễn giả).

b) Chi phí mua cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin cung cầu về thị trường sản phẩm công nghiệp hỗ trợ và chính sách về công nghiệp hỗ trợ (chi phí mua tư liệu; chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu; chi phí xuất bản và phát hành; các khoản chi khác): 1,6 triệu đồng/1 đơn vị đăng ký và nhận thông tin.

6. Chi quản lý kinh phí phát triển công nghiệp hỗ trợ

a) Sở Công Thương (cơ quan quản lý kinh phí hỗ trợ) được bố trí 1,5% tổng kinh phí hỗ trợ và nằm trong dự toán ngân sách do Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm để tổ chức thẩm định, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu; chi phí làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra và thuê chuyên gia.

b) Sở Công Thương là đơn vị trực tiếp quản lý, cấp phát và quyết toán kinh phí hỗ trợ bằng 3% dự toán các đề án để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác.

7. Đối với những nội dung chi phát triển công nghiệp hỗ trợ chưa quy định mức chi cụ thể sẽ thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành và không vượt quá 80% mức chi quy định tại các văn bản đó.

8. Trường hợp cùng một thời điểm, nội dung, đơn vị triển khai nếu có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác nhau, đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách ưu đãi, hỗ trợ có lợi nhất.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách tỉnh được bố trí trong dự toán hàng năm.
2. Từ nguồn lồng ghép các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia và các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội.
3. Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khóa XIX, Kỳ họp thường lệ thứ Hai thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Bộ Công Thương;
- Cục KTVB và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- ĐU, TTHĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT, HC², HĐ².

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hình